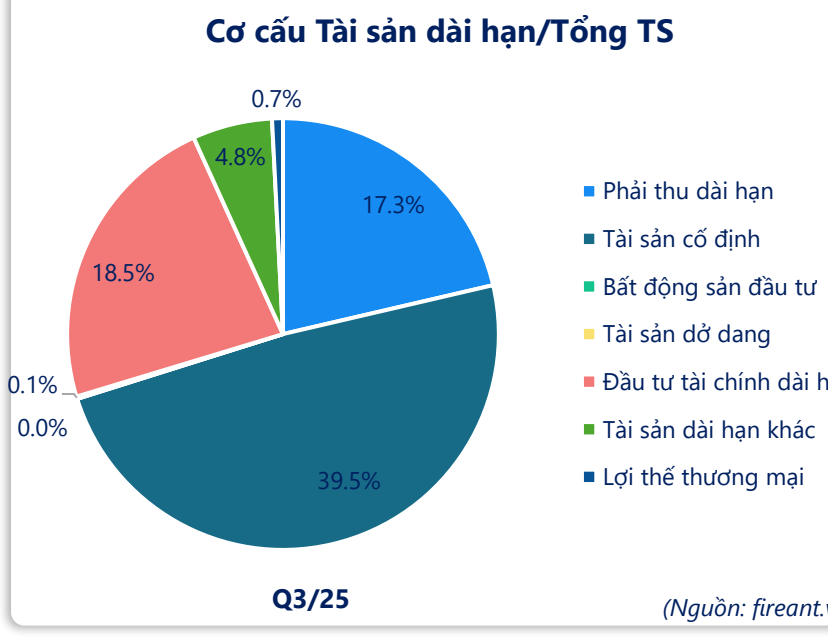
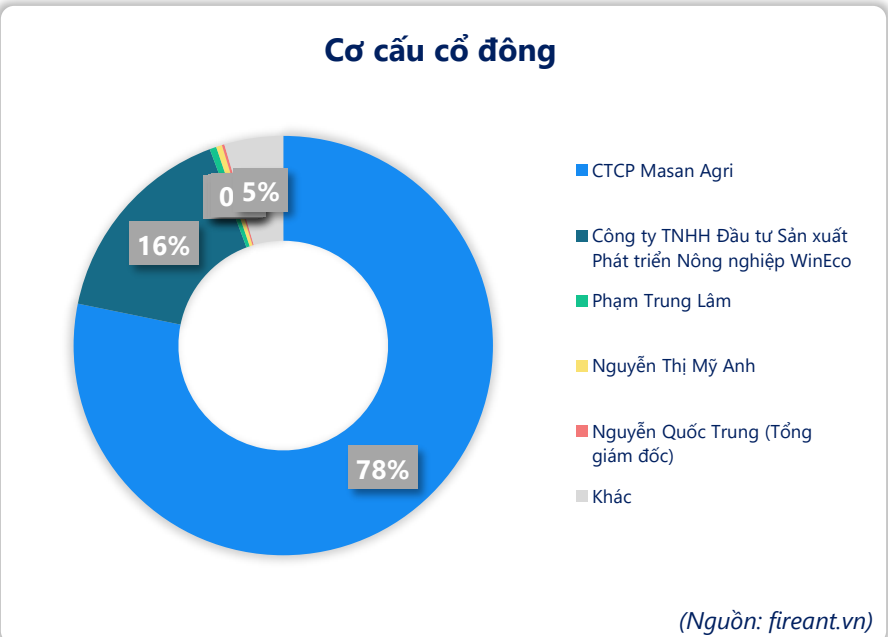
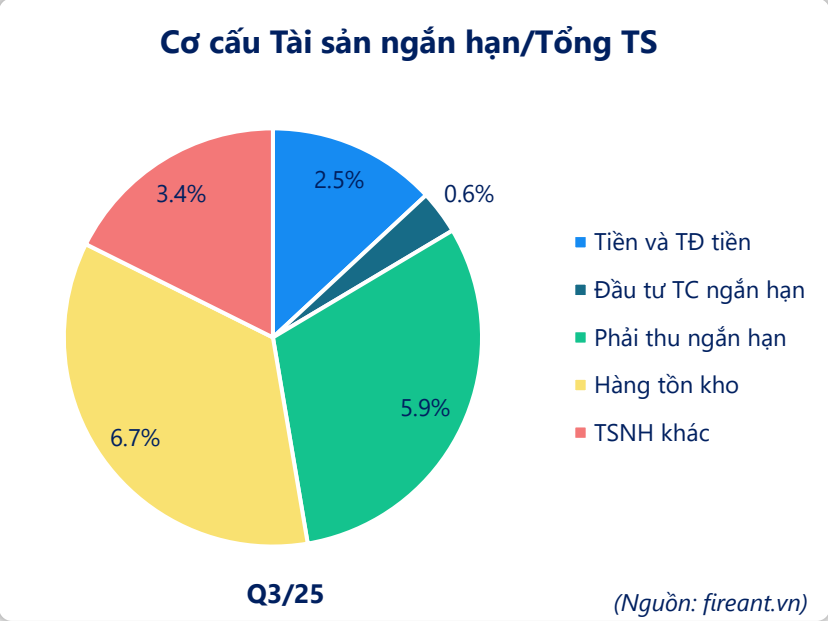
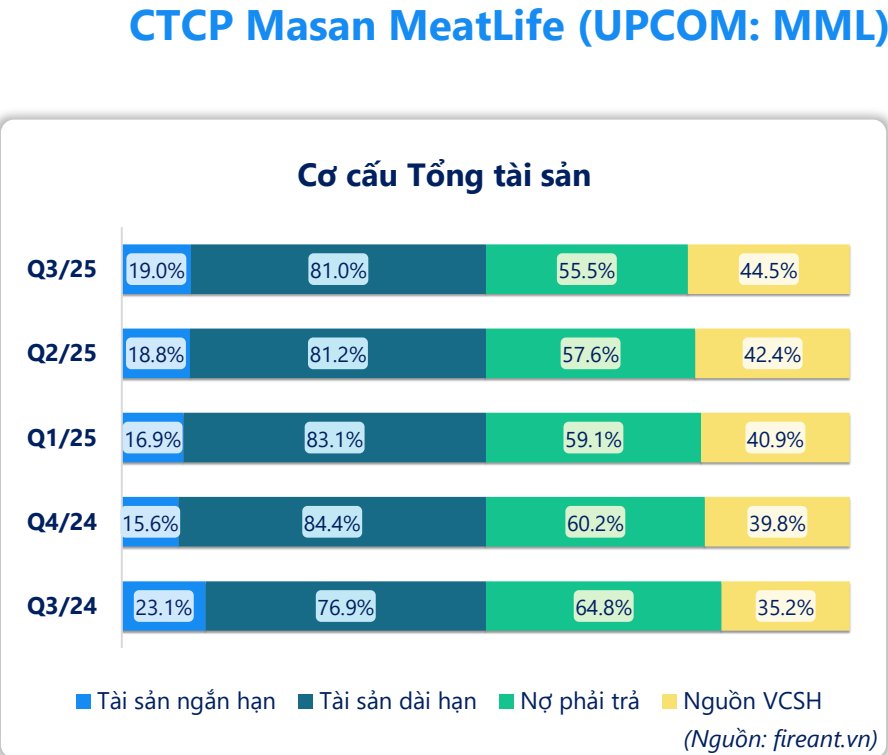
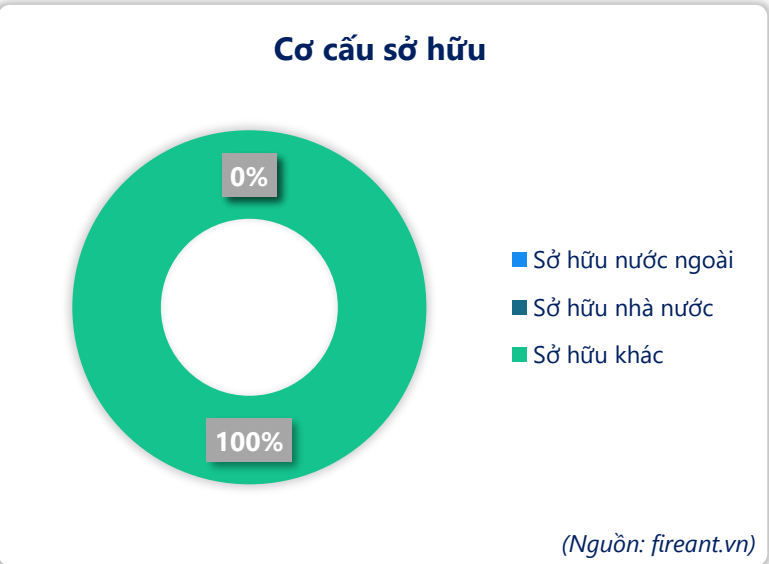
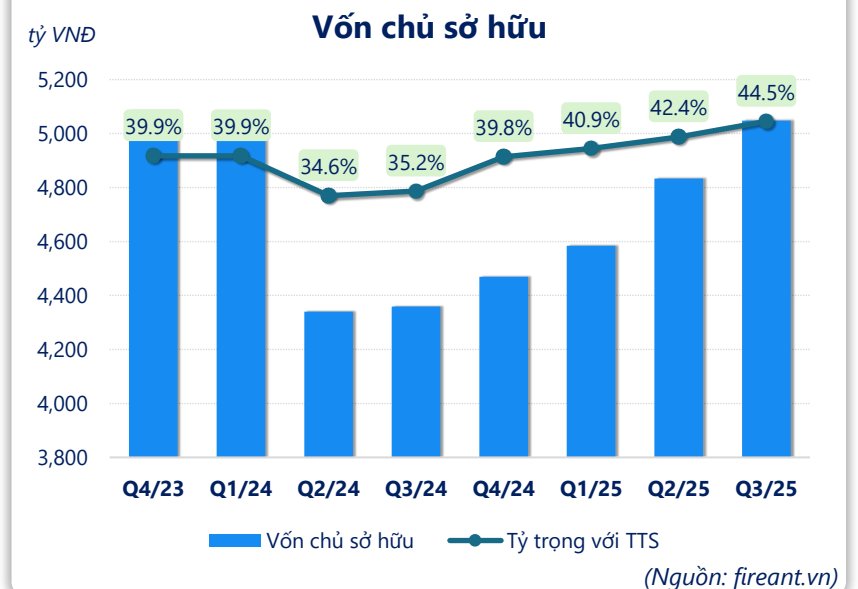
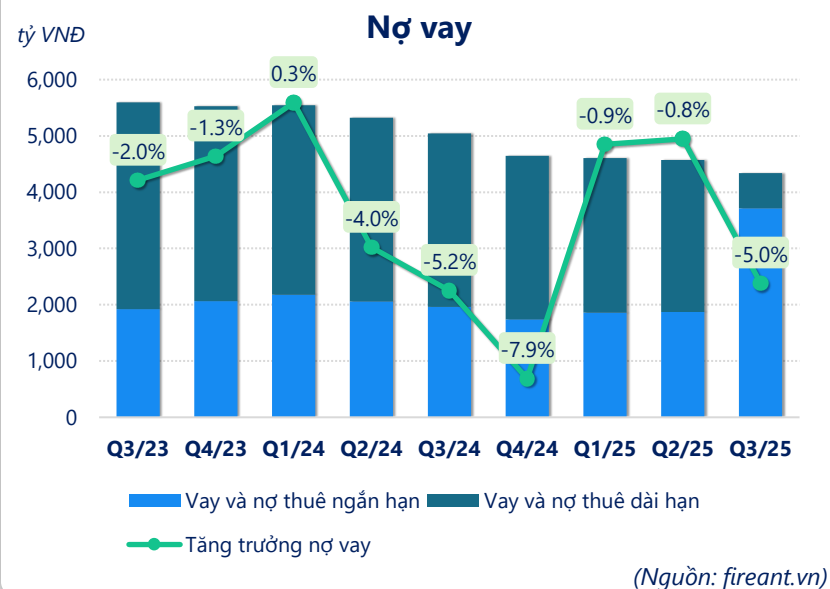
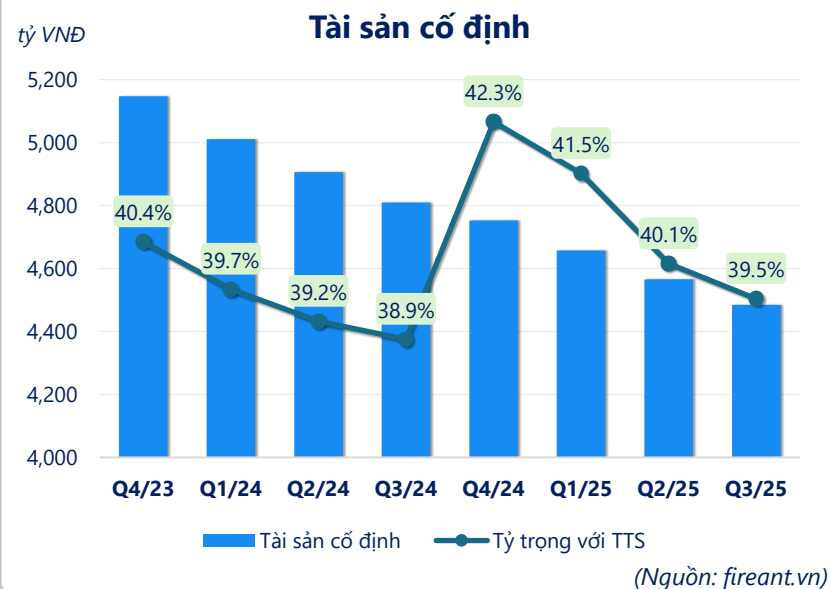
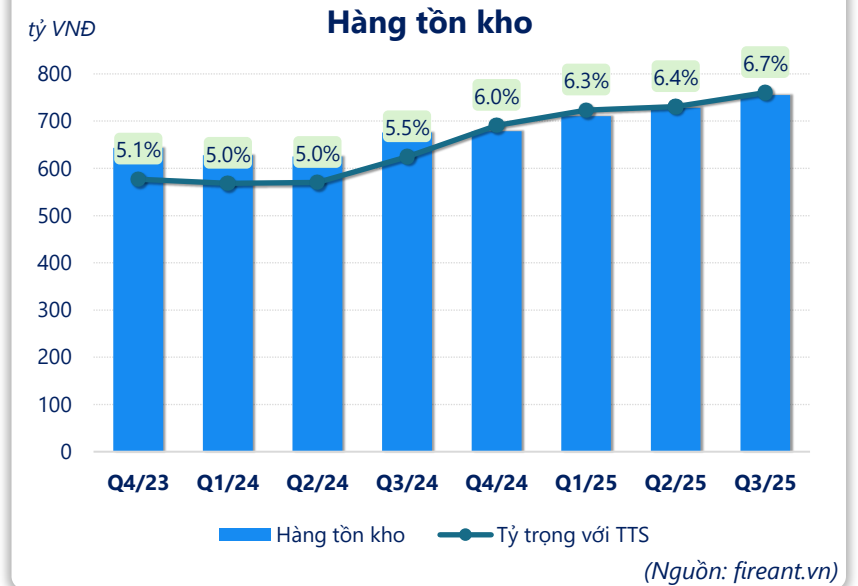
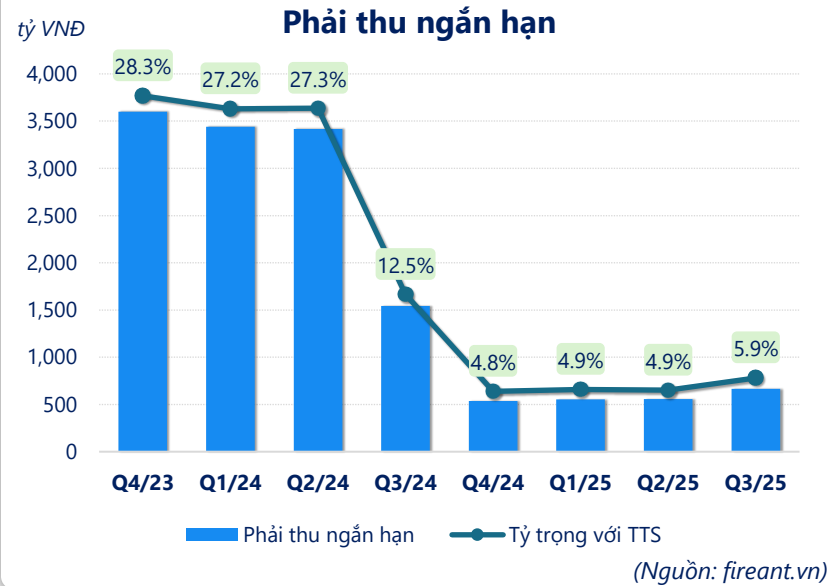
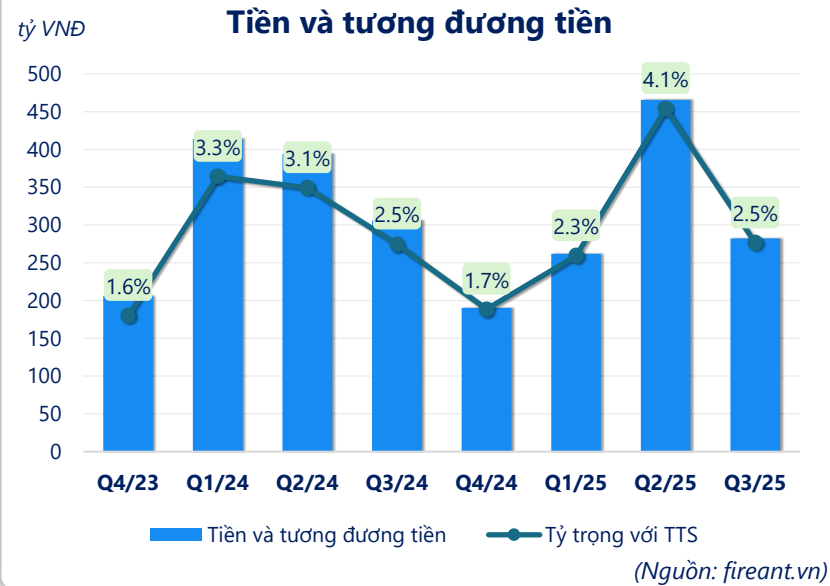
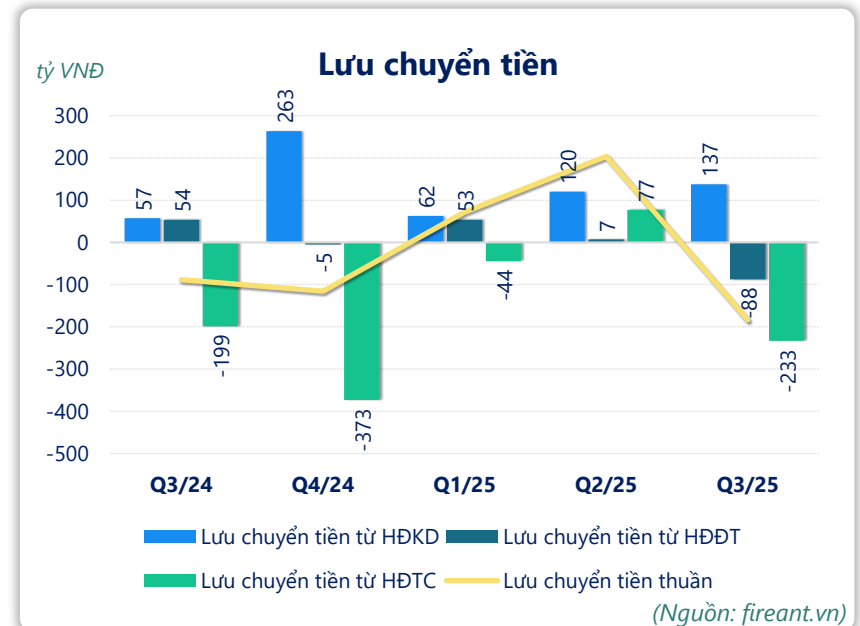
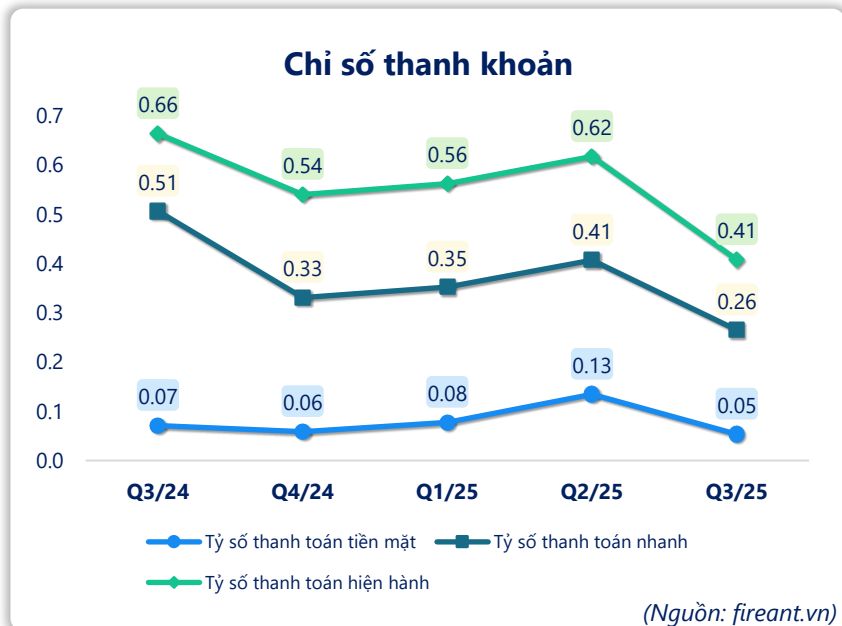
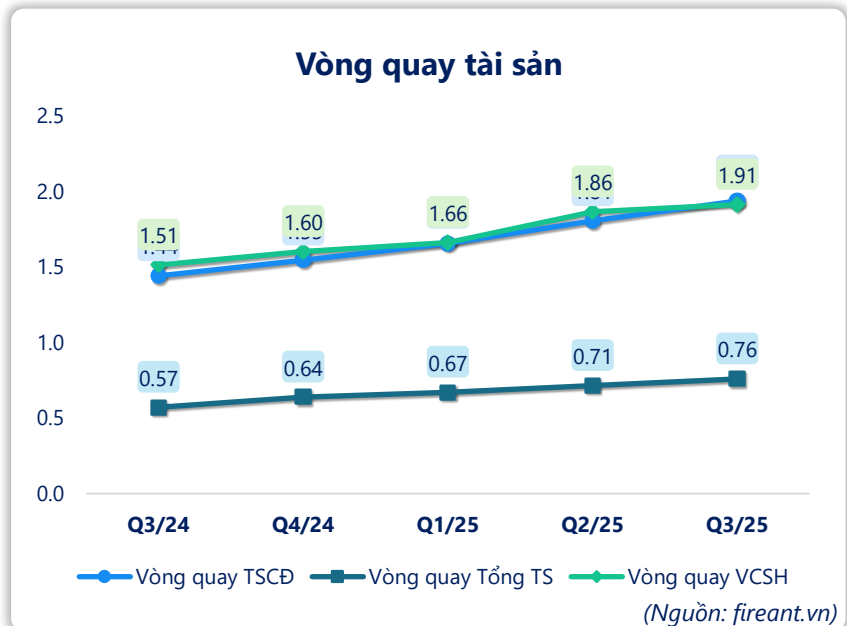
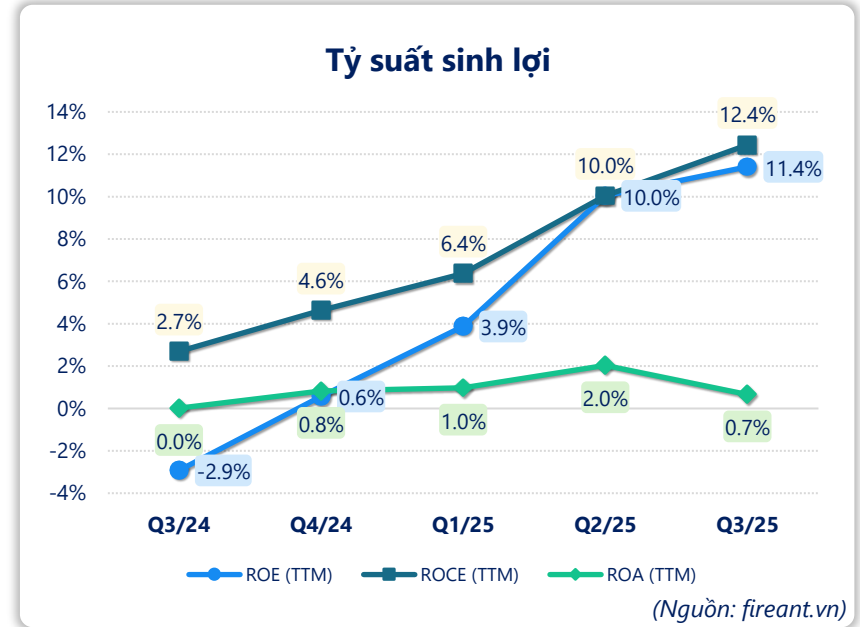
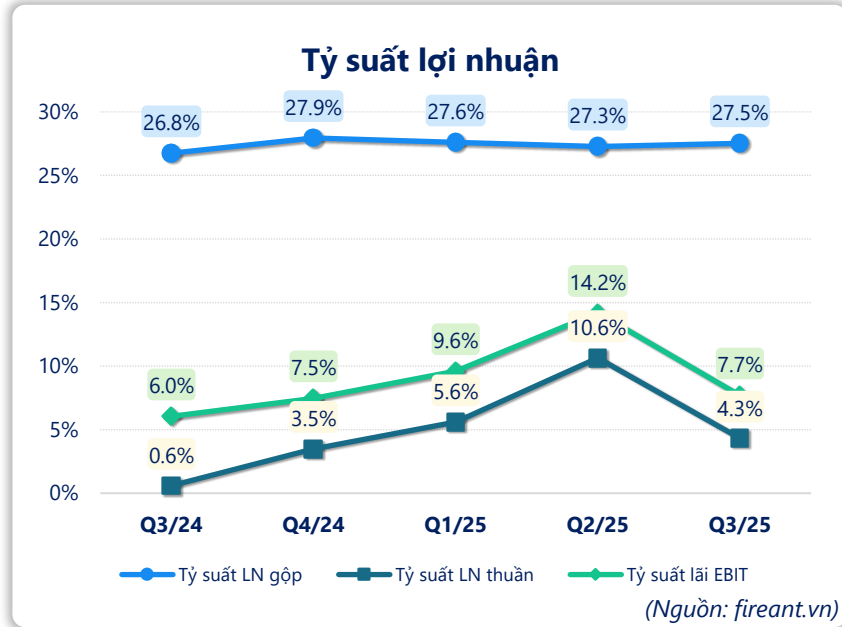
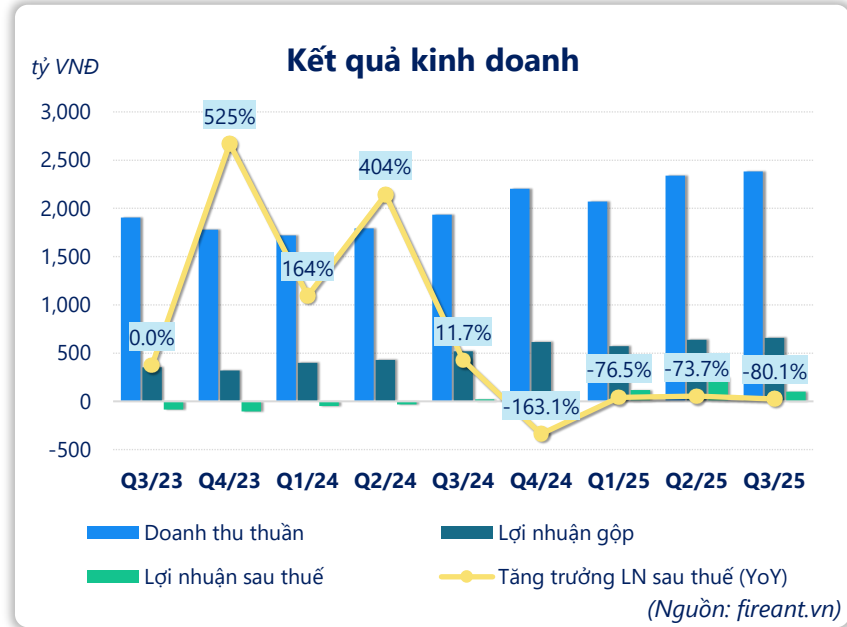


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,800
SL cổ phiếu LH		340,316,858
KLGD BQ 20 phiên (CP)		142,055
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		13,102
P/E		24.4
EPS		1,577

	YTD	1T	3T	6T
MML	59.8%	-2.0%	16.0%	25.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	11,348	11,229	1.1%
Tài sản ngắn hạn	2,156	1,753	23.0%
Tiền và tương đương tiền	282	190	48.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.6	0	
Phải thu ngắn hạn	666	538	23.7%
Hàng tồn kho	755	679	11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	380	345	10.1%
Tài sản dài hạn	9,192	9,476	-3.0%
Phải thu dài hạn	1,963	1,948	0.8%
Tài sản cố định	4,484	4,753	-5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	16.1	22.4	-28.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,104	2,114	-0.5%
Tài sản dài hạn khác	549	553	-0.7%
Lợi thế thương mại	74.8	85.7	-12.7%
Nợ phải trả	6,300	6,759	-6.8%
Nợ ngắn hạn	5,287	3,245	62.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,715	1,740	113%
Phải trả người bán ngắn hạn	683	636	7.4%
Nợ dài hạn	1,014	3,514	-71.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	626	2,908	-78.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,048	4,469	12.9%
Vốn chủ sở hữu	5,048	4,469	12.9%
Vốn điều lệ	3,403	3,291	3.4%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,936	2,204	2,070	2,340	2,384
Giá vốn hàng bán	1,418	1,588	1,499	1,701	1,728
Lợi nhuận gộp	518	616	571	638	656
Doanh thu HĐTC	63.1	61.8	143	233	45.4
Chi phí TC	96.8	98.0	88.0	88.7	86.9
Chi phí lãi vay	91.6	88.3	83.1	83.6	82.1
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	381	395	422	450	415
Chi phí QLDN	92.0	107	88.4	83.9	97.2
LN thuần từ HĐKD	11.4	77.1	116	249	103
Lợi nhuận khác	14.0	-0.60	0.11	-0.40	-1.15
LN trước thuế	25.5	76.5	116	248	102
Lợi nhuận sau thuế	19.5	85.3	116	249	101
LNST của CĐ cty mẹ	2.01	98.8	116	243	78.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.9	263	62.4	120	137
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	53.7	-5.21	53.2	6.96	-87.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-199	-373	-44.3	76.8	-233
Tiền đầu kỳ	394	306	190	262	465
Lưu chuyển tiền thuần	-88.0	-115	71.3	204	-183
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	306	190	262	465	282

(Nguồn: fireant.vn)